TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chu Đức H, sinh năm 1969.

Số CCCD: 030069002814 cấp ngày 15-01-2023.

Nơi thường trú và địa chỉ hiện nay: A L, phường V, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Bà Đào Thị D, sinh năm 1975.

Số CCCD: 034175022025 cấp ngày 27-12-2021.

Nơi thường trú: D14 L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: E T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2025 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Chu Đức H trình bày:

Ông và bà Đào Thị D sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 12 tháng 12 năm 2001. Trong thời gian sống chung, ông và bà D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm với bà D nhưng không thành. Ông và bà D đã ly thân 10 năm nay. Nay xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Đào Thị D.

Về con chung: Ông và bà D có 02 con chung là cháu Chu Khánh L, sinh ngày 19-9-2002 và cháu Chu Đức V, sinh ngày 21-7-2007. Cháu L và cháu V đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Đào Thị D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà D đến Tòa án làm việc nhưng bà D không đến làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân giữa ông H và bà D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông H và bà D không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, ông H không còn tình cảm với bà D, mâu thuẫn giữa ông H và bà D không thể hàn gắn. Bà D không đến làm việc, hòa giải theo triệu tập của Tòa, không tham gia các phiên tòa, không thể hiện mong muốn, thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm với ông H. Xét mâu thuẫn của ông H và bà D là có thật, cuộc sống hôn nhân của ông H, bà D không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H; Về con chung: Ông H và bà D có 02 con chung là cháu Chu Khánh L, sinh ngày 19-9-2002 và cháu Chu Đức V, sinh ngày 21-7-2007. Cháu L và cháu V đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết nên không đề xuất xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Chu Đức H có đơn khởi kiện về "Ly hôn" với bà Đào Thị D, có nơi cư trú tại phường T, thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét ông Chu Đức H và bà Đào Thị D chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 12 tháng 12 năm 2001. Như vậy, hôn nhân giữa ông H và bà D là hợp pháp.

Trong thời gian ông H và bà D sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng ông H, bà D bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông H và bà D đã ly thân.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…".

Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh hôn nhân của ông H, bà D không thỏa mãn được mục đích, ý nghĩa cốt yếu để duy trì đời sống hôn nhân. Nay ông H cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với bà D. Xét mâu thuẫn của ông H, bà D là có thật, theo chiều hướng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ rất khó khăn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

[3]. Về con chung: 02 con chung là cháu Chu Khánh L, sinh ngày 19-9-2002 và cháu Chu Đức V, sinh ngày 21-7-2007. Cháu L và cháu V đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Chu Đức H và bà Đào Thị D ly hôn.

2. Về con chung: 02 con chung là cháu Chu Khánh L, sinh ngày 19-9-2002 và cháu Chu Đức V, sinh ngày 21-7-2007. Cháu L và cháu V đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021238 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của T án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông H đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh (Phường 7, TP. Vũng Tàu cũ).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Thị Huê